

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

*Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012*

và Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 33

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng Sản Quảng Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Công nghiệp Miền Trung) theo Quyết định số 5078/QĐ-UB ngày 9 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000100139 ngày 30 tháng 5 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3303070128 cấp lần đầu ngày 25 tháng 5 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 7 tháng 3 năm 2012.

Ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty bao gồm: Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Tư vấn đầu tư về các hoạt động khoáng sản và thiết kế mỏ. Trồng rừng nguyên liệu. Vận tải hành khách đường bộ. Thăm dò địa chất. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng sản xuất, văn phòng làm việc. Hoàn thiện sản phẩm dệt. Sản xuất sợi. Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh. Công ty có trụ sở chính tại Cụm công nghiệp Hà Lam – Chợ Đước, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lỗ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là **9.602.595.016 đồng**.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát của công ty trong năm báo cáo và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

- | | |
|-------------------------|------------|
| • Ông Nguyễn Quốc Khánh | Chủ tịch |
| • Ông Nguyễn Xuân Lư | Thành viên |
| • Ông Nguyễn Thanh Hải | Thành viên |
| • Ông Nguyễn Dũng | Thành viên |
| • Bà Phan Thị Thúy Vân | Thành viên |
| • Ông Đoàn Ngọc Cương | Thành viên |
| • Ông Phạm Văn Sa | Thành viên |

Ban giám đốc

- | | |
|----------------------|--|
| • Ông Nguyễn Dũng | Tổng giám đốc, bổ nhiệm ngày 28/2/2012 |
| • Ông Phạm Văn Sa | Phó tổng giám đốc, bổ nhiệm ngày 28/2/2012 |
| • Ông Phạm Văn Lâm | Phó tổng giám đốc, bổ nhiệm ngày 29/5/2010 |
| • Ông Nguyễn Xuân Lư | Tổng giám đốc, miễn nhiệm ngày 28/2/2012 |

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng Sản Quảng Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Ban kiểm soát

- | | |
|-----------------------|------------|
| • Ông Trương Văn Năm | Trưởng ban |
| • Bà Phan Thùy Dương | Ủy viên |
| • Ông Phạm Xuân Tuyên | Ủy viên |

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban giám đốc đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc

Nguyễn Dũng
Tổng giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

Số: 13-2-045/CPAHANOI/HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc
Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được lập ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam từ trang 4 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tô Quang Tùng
Giám đốc chi nhánh
Số đăng ký: 0270/KTV

Hồ Đình Phúc
Kiểm toán viên
Số đăng ký: 1268/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2013

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng Sản Quảng Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.396.454.456	25.676.189.054
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.939.549.506	2.740.178.591
1. Tiền	111	3	2.939.549.506	2.740.178.591
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.070.430.408	13.331.327.346
1. Phải thu khách hàng	131		14.750.077.327	9.687.789.949
2. Trả trước cho người bán	132		205.474.500	2.809.011.954
3. Các khoản phải thu khác	135	4	5.720.022.596	1.367.613.603
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	5	(1.605.144.015)	(533.088.160)
III. Hàng tồn kho	140	6	3.951.602.235	6.951.473.363
1. Hàng tồn kho	141		3.951.602.235	9.942.305.363
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(2.990.832.000)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.434.872.307	2.653.209.754
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		213.719.620	265.619.153
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		67.781.853	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	4.153.370.834	2.387.590.601
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		89.985.177.070	92.180.396.414
I. Tài sản cố định	220		46.510.259.101	70.455.026.425
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	40.925.069.749	54.168.256.780
- Nguyên giá	222		67.911.151.768	89.514.090.951
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.986.082.019)	(35.345.834.171)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	9	2.466.081.348	3.266.721.708
- Nguyên giá	225		4.003.201.773	4.003.201.773
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.537.120.425)	(736.480.065)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	3.119.108.004	3.354.712.999
- Nguyên giá	228		3.322.925.236	3.770.683.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(203.817.232)	(415.970.251)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	-	9.665.334.938
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		33.288.429.253	15.397.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	18.418.862.825	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	13	-	795.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	14	16.966.100.000	16.966.100.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	15	(2.096.533.572)	(2.363.600.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		10.186.488.716	6.327.869.989
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	671.256.793	1.598.840.230
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		6.379.903.791	3.509.236.927
3. Tài sản dài hạn khác	268	17	3.135.328.132	1.219.792.832
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		120.381.631.526	117.856.585.468

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: đồng Việt Nam

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		55.864.266.996	44.337.845.795
I. Nợ ngắn hạn	310		52.651.815.318	38.120.908.996
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	22.649.309.690	16.389.252.965
2. Phải trả người bán	312		15.066.717.590	12.931.457.125
3. Người mua trả tiền trước	313		71.016.883	2.876.448.400
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	4.321.694.939	2.727.756.196
5. Phải trả người lao động	315		439.099.600	-
6. Chi phí phải trả	316	20	9.348.910.035	2.285.884.267
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	755.066.581	910.110.043
II. Nợ dài hạn	330		3.212.451.678	6.216.936.799
1. Phải trả dài hạn khác	333	22	185.990.000	185.990.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	23	3.026.461.678	5.882.691.102
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	148.255.697
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.517.364.530	73.518.739.673
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	64.517.364.530	73.518.739.673
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	24	54.860.460.000	54.860.460.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	24	26.179.657.254	26.179.657.254
3. Cổ phiếu quỹ	414	24	(413.094.230)	(413.094.230)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	24	-	(601.219.873)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	24	3.964.308.759	3.964.308.759
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	24	859.717.030	859.717.030
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	24	401.117.136	401.117.136
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	24	(22.553.963.919)	(12.951.368.903)
9. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	24	1.219.162.500	1.219.162.500
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		120.381.631.526	117.856.585.468

Nguyễn Ngọc Thống
Người lập biểu

Lê Quang Lực
Kế toán trưởng

Nguyễn Dũng
Tổng giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	79.532.278.966	99.726.535.034
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	9.580.641.757	10.209.288.843
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	25	69.951.637.209	89.517.246.191
4. Giá vốn hàng bán	11	26	48.620.915.352	73.034.320.083
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.330.721.857	16.482.926.108
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	5.835.724.618	2.532.247.330
7. Chi phí tài chính	22	28	4.596.729.419	5.448.510.534
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.453.580.012	4.388.277.486
8. Chi phí bán hàng	24		17.085.946.138	23.451.139.406
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.984.909.402	10.002.211.889
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.501.138.484)	(19.886.688.391)
11. Thu nhập khác	31	29	3.328.108.055	4.955.193.749
12. Chi phí khác	32	30	14.300.231.451	2.238.865.372
13. Lợi nhuận khác	40		(10.972.123.396)	2.716.328.377
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(12.473.261.880)	(17.170.360.014)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	(2.870.666.864)	(3.509.236.927)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(9.602.595.016)	(13.661.123.087)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	(1.760)	(2.793)

Nguyễn Ngọc Thông
Người lập biểu

Lê Quang Lực
Kế toán trưởng

Nguyễn Dũng
Tổng giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(phương pháp gián tiếp)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(12.473.261.880)	(17.170.360.014)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		4.833.813.753	5.576.257.889
- Các khoản dự phòng	03		(2.185.842.573)	3.664.672.883
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		67.524.160	339.763.200
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.179.828.158)	(1.750.289.818)
- Chi phí lãi vay	06		3.453.580.012	4.388.277.486
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(11.484.014.686)	(4.951.678.374)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(4.220.556.087)	1.694.171.774
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		3.895.660.005	(1.710.396.080)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		9.424.138.869	7.729.840.911
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		7.948.713.956	733.543.068
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3.453.580.012)	(4.395.438.529)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(851.214.557)	(2.190.910.668)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		130.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.042.312.900)	(359.237.807)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(653.165.412)	(3.450.105.705)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.467.593.196)	(9.747.281.869)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		185.090.909	163.636.363
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.645.515.678)	(15.397.500.000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.311.750.000	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		65.742.073	811.931.034
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.550.525.892)	(24.169.214.472)

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(phương pháp gián tiếp)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	38.286.515.454
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(411.843.530)
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		38.588.859.936	44.069.697.157
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(34.366.012.011)	(46.834.751.551)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(819.020.624)	(1.726.292.968)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(6.490.751.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.403.827.301	26.892.573.562
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		200.135.997	(726.746.615)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3	2.740.178.591	3.466.285.484
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(765.082)	639.722
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3	2.939.549.506	2.740.178.591

Nguyễn Ngọc Thông
Người lập biểu

Lê Quang Lực
Kế toán trưởng

Nguyễn Dũng
Tổng giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Công nghiệp Miền Trung) theo Quyết định số 5078/QĐ-UB ngày 9 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000100139 ngày 30 tháng 5 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3303070128 cấp lần đầu ngày 25 tháng 5 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 7 tháng 3 năm 2012.

Ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty bao gồm: Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Tư vấn đầu tư về các hoạt động khoáng sản và thiết kế mỏ. Trồng rừng nguyên liệu. Vận tải hành khách đường bộ. Thăm dò địa chất. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng sản xuất, văn phòng làm việc. Hoàn thiện sản phẩm dệt. Sản xuất sợi. Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh.

Công ty có trụ sở chính tại Cụm công nghiệp Hà Lam – Chợ Được, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

- **Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- **Đơn vị tiền tệ sử dụng**

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam.

- **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- **Thay đổi trong các chính sách kế toán**

Việc ghi nhận “Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm” được thay đổi như sau:

Trước năm 2012, Công ty trích Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm theo mức trích 1% đến 3% trên quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội. Theo Thông tư số 180/2012/TT-BTC, (“Thông tư 180”) do Bộ Tài Chính Ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp thì phát sinh trợ cấp mất việc làm doanh nghiệp được hạch toán khoản chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động theo qui định tại Thông tư này vào chi phí quản lý doanh nghiệp và được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp.

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thay đổi trong các chính sách kế toán (tiếp theo)

Riêng năm 2012, doanh nghiệp được sử dụng số dư Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm đã trích lập theo qui định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 (nếu có) để chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động. Nếu số dư Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ hoặc doanh nghiệp không có số dư Quỹ để chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm và được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo qui định. Nếu Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

của doanh nghiệp còn số dư (sau khi đã chi trợ cấp mất việc làm trong năm 2012) doanh nghiệp hạch toán tăng thu nhập khác năm 2012 của doanh nghiệp. Công ty đã không trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm từ năm 2012 và hoàn nhập toàn bộ số dư của Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm vào thu nhập trong năm tài chính 2012.

•

• ***Hình thức sổ kế toán áp dụng***

Hình thức sổ kế toán đăng ký áp dụng của Công ty là Nhật ký chung, kế toán trên máy vi tính.

•

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài Chính ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm cuối niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong năm.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá vốn hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

•

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty được trình bày theo nguyên giá, khấu hao và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm giá mua cộng chi phí vận chuyển, lắp đặt. Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	4 – 20 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8 năm
Quyền khai thác mỏ	20 năm

•

• **Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

•

• **Nguyên tắc ghi nhận chi phí lãi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

•

• **Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

•

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

• Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau: Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua; Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau: Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Thuế phải nộp được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho nhà nước, sử dụng các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại: Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày cuối năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	86.429.330	1.746.949.154
Tiền gửi ngân hàng	2.853.120.176	993.229.437
Tổng cộng	2.939.549.506	2.740.178.591

4. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Cuối năm	Đầu năm
Vũ Đình Châu	436.671.080	436.671.080
Nguyễn Xuân Lư	558.890.000	558.890.000
Thuế GTGT thuê tài chính được khấu trừ trả trước	167.526.947	241.983.367
Công ty TNHH Vàng Phước Sơn	4.412.245.176	-
Phải thu khác	144.689.393	130.069.156
Tổng cộng	5.720.022.596	1.367.613.603

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

5. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty CP xây dựng và SX VLXD số 7	533.088.160	533.088.160
Vũ Đình Châu	436.671.080	-
Bùi Duy Nghĩa	194.890.000	-
Nguyễn Sỹ Hoàng	220.297.085	-
Phạm Minh Hùng	115.490.000	-
Nguyễn Hoàng Trọng	71.365.000	-
Nguyễn Hữu Phi Hải	33.342.690	-
Tổng cộng	1.605.144.015	533.088.160

6. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	855.919.746	1.422.413.462
Công cụ, dụng cụ	138.790.577	673.433.161
Chi phí SX, KD dở dang	1.315.895.883	409.672.939
Thành phẩm	1.567.072.258	7.298.029.304
Hàng hóa	73.923.771	138.756.497
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(2.990.832.000)
Giá trị thuần hàng tồn kho	3.951.602.235	6.951.473.363

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	4.153.370.834	2.383.858.501
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	3.732.100
Tổng cộng	4.153.370.834	2.387.590.601

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	38.472.169.594	42.322.763.156	7.015.041.751	1.704.116.450	89.514.090.951
Mua trong năm	-	-	-	19.700.000	19.700.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.439.090.909	-	-	2.439.090.909
Thanh lý, nhượng bán	-	(630.209.333)	(194.518.905)	-	(824.728.238)
Giảm khác (*)	(6.952.253.935)	(14.390.016.951)	(1.803.975.163)	90.755.805)	(23.237.001.854)
Số dư cuối năm	31.519.915.659	29.741.627.781	5.016.547.683	1.633.060.645	67.911.151.768
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	11.091.358.028	21.299.364.864	2.000.969.928	954.141.351	35.345.834.171
Khấu hao trong năm	1.608.158.211	1.818.182.547	465.163.104	131.436.027	4.022.939.889
Thanh lý, nhượng bán	-	(630.209.333)	(194.518.905)	-	(824.728.238)
Giảm khác (*)	(2.505.406.516)	(8.298.924.942)	(691.421.036)	(62.211.309)	(11.557.963.803)
Số dư cuối năm	10.194.109.723	14.188.413.136	1.580.193.091	1.023.366.069	26.986.082.019
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	27.380.811.566	21.023.398.292	5.014.071.823	749.975.099	54.168.256.780
Tại ngày cuối năm	21.325.805.936	15.553.214.645	3.436.354.592	609.694.576	40.925.069.749

(*) Giảm khác là tài sản mang đi góp vốn vào các Công ty con.

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	4.003.201.773	4.003.201.773
Số dư cuối năm	4.003.201.773	4.003.201.773
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	736.480.065	736.480.065
Khấu hao trong năm	800.640.360	800.640.360
Số dư cuối năm	1.537.120.425	1.537.120.425
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	3.266.721.708	3.266.721.708
Tại ngày cuối năm	2.466.081.348	2.466.081.348

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác mỏ	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.118.255.276	652.427.974	3.770.683.250
Giảm khác (*)	-	(447.758.014)	(447.758.014)
Số dư cuối năm	3.118.255.276	204.669.960	3.322.925.236
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	415.970.251	415.970.251
Khấu hao trong năm	-	10.233.504	10.233.504
Giảm khác (*)	-	(222.386.523)	(222.386.523)
Số dư cuối năm	-	203.817.232	203.817.232
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	3.118.255.276	236.457.723	3.354.712.999
Tại ngày cuối năm	3.118.255.276	852.728	3.119.108.004

(*) Giảm khác là tài sản mang đi góp vốn vào Công ty con.

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Cuối năm	Đầu năm
Mặt bằng Đại Nghĩa	-	1.203.149.419
Dự án thăm dò vàng tại Bolikhamxay – Lào	-	477.859.570
Dự án khai thác khoáng sản Đakchung – Lào	-	7.935.449.572
Dự án Sodium Silicate	-	25.533.105
Công trình khác	-	23.343.272
Tổng cộng	-	9.665.334.938

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Cuối năm		Đầu năm	
	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị vốn góp
Đầu tư vào Công ty con		18.418.862.825		-
Công ty TNHH MTV Chế biến Silica Quảng Nam	100%	12.500.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Tràng Thạch Đại Lộc	100%	5.918.862.825	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư		(527.933.572)	-	-
Công ty TNHH MTV Chế Biến Silica Quảng Nam		(527.933.572)	-	-
Giá trị thuần khoản đầu tư		17.890.929.253		-

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Cuối năm		Đầu năm	
	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị vốn góp
Đầu tư vào Công ty liên kết				
Công ty LD Công trình Miền Trung (*)	25%	-	25%	795.000.000
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư				
Công ty LD Công trình Miền Trung	-	-		(795.000.000)
Giá trị thuần khoản đầu tư		-		-

(*) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng khoản vốn góp vào Công ty Liên doanh Công trình Miền Trung cho đối tác khác.

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư dài hạn	16.966.100.000	16.966.100.000
Công ty Liên doanh Vàng Bồng Miêu	1.568.600.000	1.568.600.000
Công ty liên doanh Vàng Phước Sơn	15.397.500.000	15.397.500.000
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn	(1.568.600.000)	(1.568.600.000)
Công ty Liên doanh Vàng Bồng Miêu	(1.568.600.000)	(1.568.600.000)
Giá trị thuần của khoản đầu tư	15.397.500.000	15.397.500.000

15. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Liên doanh Công trình Miền Trung	-	(795.000.000)
Công ty TNHH MTV Chế Biến Silica Quảng Nam	(527.933.572)	-
Công ty Liên doanh Vàng Bồng Miêu	(1.568.600.000)	(1.568.600.000)
Tổng cộng	(2.096.533.572)	(2.363.600.000)

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí bóc phủ mỏ Đại Lộc	-	544.847.261
Đường giao thông Bình Phục - Bình Giang	-	112.750.638
Thiết bị phục vụ văn phòng Công ty	-	77.639.605
Đại tu động cơ máy phát điện Perkins	-	221.207.070
Chi phí khác	671.256.793	642.395.656
Tổng cộng	671.256.793	1.598.840.230

17. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Cuối năm	Đầu năm
Ký quỹ phục hồi môi trường	2.912.728.132	997.192.832
Ký quỹ thuê tài chính	222.600.000	222.600.000
Tổng cộng	3.135.328.132	1.219.792.832

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn	19.980.557.866	12.863.101.141
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quảng Nam	19.980.557.866	12.863.101.141
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 23)	2.668.751.824	3.526.151.824
Tổng cộng	22.649.309.690	16.389.252.965

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Quảng Nam theo hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 04 tháng 07 năm 2012 với hạn mức 20 tỷ đồng, dùng để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay từ 11%/năm đến 12%/năm, khoản vay có tài sản đảm bảo.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	408.471.434	105.836.852
Thuế xuất, nhập khẩu	2.572.606.562	1.628.731.453
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	783.432.704
Thuế thu nhập cá nhân	6.131.834	3.379.402
Thuế tài nguyên	1.003.813.056	14.779.050
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	37.521.160	142.475.637
Các loại thuế khác	93.257.890	26.147.562
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	199.893.003	22.973.536
Tổng cộng	4.321.694.939	2.727.756.196

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Cuối năm	Đầu năm
Lãi vay phải trả	43.035.893	47.155.411
Lãi thuê tài chính	19.195.796	32.348.471
Chi phí kiểm toán	150.000.000	75.000.000
Chi phí bán hàng (cát xuất khẩu)	993.900.000	1.608.056.144
Các khoản chi phí tại công trường bên Lào	2.292.156.704	523.324.241
Chi phí hoàn thổ mỏ cát Thăng Bình	2.040.299.720	-
Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng	2.399.142.100	-
Các khoản chi phí khác	636.975.494	-
Chi phí trồng cây, hoàn thổ mỏ Pu Nép	774.204.328	-
Tổng cộng	9.348.910.035	2.285.884.267

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	57.455.544	95.322.697
Bảo hiểm xã hội	440.339.904	490.196.659
Bảo hiểm y tế	65.160.115	-
Bảo hiểm thất nghiệp	28.960.050	9.922.017
Các khoản phải trả, phải nộp khác	163.150.968	314.668.670
<i>Phải trả công ty Daeju</i>	66.729.796	66.729.796
<i>Thưởng phạt tàu</i>	50.498.700	31.612.394
<i>Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</i>	-	59.000.000
<i>Ủy ban chứng khoán nhà nước</i>	-	60.000.000
<i>Tiền ăn ca, bồi dưỡng, độc hại, phụ cấp lưu trú</i>	-	83.418.193
<i>Phải trả khác</i>	45.922.472	13.908.287
Tổng cộng	755.066.581	910.110.043

22. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả Công ty SCIC (*)	185.990.000	185.990.000
Tổng cộng	185.990.000	185.990.000

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Cuối năm	Đầu năm
Vay dài hạn	3.852.417.094	6.747.025.894
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quảng Nam (a)	1.257.248.294	2.157.248.294
Ngân hàng Đông Á - CN Quảng Nam (b)	2.595.168.800	4.589.777.600
Nợ dài hạn	1.842.796.408	2.661.817.032
Công ty cho thuê Tài chính II - CN Đà Nẵng (c)	1.842.796.408	2.661.817.032
Nợ dài hạn đến hạn trả	(2.668.751.824)	(3.526.151.824)
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quảng Nam (a)	(800.000.000)	(800.000.000)
Ngân hàng Đông Á - CN Quảng Nam (b)	(1.049.731.200)	(1.907.131.200)
Công ty cho thuê Tài chính II - CN Đà Nẵng (c)	(819.020.624)	(819.020.624)
Tổng cộng	3.026.461.678	5.882.691.102

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

- (a) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư & Phát triển chi nhánh Quảng Nam theo Hợp đồng tín dụng số 01/2010/HĐ ngày 3/3/2010 để đầu tư nhà máy vải sợi thủy tinh, lãi suất vay là 15%/năm, thời hạn vay 54 tháng, khoản vay có tài sản đảm bảo.
- (b) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đông Á chi nhánh Quảng Nam mục đích sử dụng các khoản vay là bổ sung vốn lưu động, xây dựng cơ sở hạ tầng và mua sắm trang thiết bị, phương tiện vận tải, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 124.600 USD tương đương với 2.595.168.800 đồng, lãi suất vay là 8%/năm, thời hạn vay 60 tháng, các khoản vay đều có tài sản bảo đảm.
- (c) Thuê tài chính của Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Đầu tư & Phát triển chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng số 56/2010/HĐCTTC ngày 30/12/2010, tài sản thuê tài chính là máy đào thủy lực bánh xích nhãn hiệu Komatsu, máy ủi Komatsu, máy phát điện Cummins, thời gian thuê 48 tháng với lãi suất là 15%/năm.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu và các quỹ

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Số dư đầu năm	Lợi nhuận trong năm	Hoàn nhập trong năm	Số dư cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	54.860.460.000	-	-	54.860.460.000
Thặng dư vốn cổ phần	26.179.657.254	-	-	26.179.657.254
Cổ phiếu quỹ	(413.094.230)	-	-	(413.094.230)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(601.219.873)	-	601.219.873	-
Quỹ đầu tư phát triển	3.964.308.759	-	-	3.964.308.759
Quỹ dự phòng tài chính	859.717.030	-	-	859.717.030
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	401.117.136	-	-	401.117.136
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(12.951.368.903)	(9.602.595.016)	-	(22.553.963.919)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	1.219.162.500	-	-	1.219.162.500

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	14.571.850.000	14.571.850.000
• Vốn góp của cổ đông khác	40.288.610.000	40.288.610.000
Tổng cộng	54.860.460.000	54.860.460.000

c. Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.545.808	5.545.808
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.486.046	5.486.046
- Cổ phiếu phổ thông	5.486.046	5.486.046
Số lượng cổ phiếu mua lại	(30.325)	(30.325)
- Cổ phiếu phổ thông	(30.325)	(30.325)
• Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.455.721	5.455.721
- Cổ phiếu phổ thông	5.455.721	5.455.721

Mệnh giá đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu.

25. DOANH THU BÁN HÀNG

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	79.532.278.966	99.726.535.034
Doanh thu bán cát trắng chế biến	56.717.336.891	63.480.777.231
Doanh thu bán cát trắng sấy	10.840.686.257	12.495.989.684
Doanh thu bán vàng sa khoáng	4.298.183.578	5.969.748.184
Doanh thu bán bột tràng thạch	-	7.809.429.008
Doanh thu bán bột silica	139.914.251	6.170.536.468
Doanh thu bán sợi và vải thủy tinh	7.174.435.924	3.678.621.528
Doanh thu hoạt động vận chuyển, gạch men và kinh doanh khác	361.722.065	121.432.931
Các khoản giảm trừ doanh thu	(9.580.641.757)	(10.209.288.843)
Thuế xuất khẩu cát trắng chế biến	(6.924.840.372)	(8.375.113.338)
Thuế xuất khẩu cát trắng sấy	(2.655.801.385)	(1.811.008.305)
Giảm giá cát trắng tuyển rửa nội địa	-	(23.167.200)

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

Doanh thu thuần	69.951.637.209	89.517.246.191
------------------------	-----------------------	-----------------------

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cát trắng chế biến	29.546.234.039	31.297.802.356
Giá vốn cát trắng sấy	5.218.063.597	6.823.487.161
Giá vốn vàng sa khoáng	6.529.449.187	16.216.645.280
Giá vốn bột tràng thạch	-	5.756.965.902
Giá vốn bột silica	139.914.251	5.864.445.578
Giá vốn sợi và vải thủy tinh	7.111.164.132	4.068.768.218
Giá vốn hoạt động vận chuyển, gạch men và kinh doanh khác	79.575.186	15.373.588
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.485.040)	2.990.832.000
Tổng cộng	48.620.915.352	73.034.320.083

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	65.742.073	811.931.034
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	40.963.269	1.720.316.296
Cổ tức được chia	4.412.245.176	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.024.100	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.311.750.000	
Tổng cộng	5.835.724.618	2.532.247.330

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.453.580.012	4.388.277.486
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	542.667.575	206.555.413
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	72.548.260	339.763.200
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	527.933.572	513.914.435
Tổng cộng	4.596.729.419	5.448.510.534

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

29. THU NHẬP KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ nhượng bán vật tư	928.610.718	1.039.348.156
Thu nhập từ thanh lý tài sản	185.090.909	163.636.363
Thu nhập từ thưởng tàu	60.610.993	43.569.362
Thu nhập từ việc chuyển quyền khai thác mỏ tại Lào	1.723.820.000	1.656.910.000
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	71.995.529	-
Các khoản thu khác	357.979.906	57.677.748
Thu nhập bán vàng khai thác bên Lào	-	1.994.052.120
Tổng cộng	3.328.108.055	4.955.193.749

30. CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Năm nay	Năm trước
Phạt thuế, truy thu thuế	122.782.667	317.083.380
Chi phí từ nhượng bán vật tư	929.888.232	1.039.594.413
Chi phí khác	945.144.194	-
Chi phí lương của Trảng Thạch Đại Lộc chi năm 2011	180.274.000	-
Chi phí dự án Sodium Silicate	25.533.105	-
Phân bổ chi phí các dự án khai thác vàng bên Lào	11.322.404.925	882.187.579
Chi phí hoàn thổ mỏ vàng Pu Nếp	774.204.328	-
Tổng cộng	14.300.231.451	2.238.865.372

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	10.308.855.856	62.891.346.232
Chi phí nhân công	8.448.851.963	9.759.492.135
Công cụ dụng cụ	2.974.856.752	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.833.813.753	4.610.814.941
Chi phí thuế, phí, lệ phí	44.682.832	-
Chi phí dự phòng	1.068.570.815	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.694.742.732	21.353.352.116
Chi phí khác bằng tiền	7.439.044.976	6.145.688.006
Tổng cộng	69.813.419.679	104.760.693.430

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán (a)	(12.473.261.880)	(17.170.360.014)
Các khoản điều chỉnh tăng (b)	5.402.839.601	3.133.412.305
Các khoản điều chỉnh giảm (c)	(4.412.245.176)	-
Thu nhập chịu thuế (d) = (a) + (b) + (c)	(11.482.667.455)	(14.036.947.709)
Thuế suất thuế TNDN (e)	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (f) = (d) x (e)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (g) = (d) x (e)	(2.870.666.864)	(3.509.236.927)

Các năm tài chính chưa quyết toán thuế là 2009 đến 2012. Các khoản khấu trừ thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.602.595.016)	(13.661.123.087)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(9.602.595.016)	(13.661.123.087)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.455.721	4.891.304
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(1.760)	(2.793)

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

34. THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan trong năm

Đơn vị: đồng Việt Nam

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH MTV Chế biến Silica Quảng Nam	Công ty con	Bán hàng hóa, nhiên liệu	1.228.513.909
		Chi phí trả hộ	5.270.000
		Mua hàng hóa, vật tư	148.714.251
		Góp vốn bằng tiền	1.231.661.915
		Góp vốn bằng tài sản các loại	11.268.338.085
Công ty TNHH MTV Tràng Thạch Đại Lộc	Công ty con	Bán hàng hóa, nhiên liệu	59.716.085
		Mua hàng hóa, vật tư, dịch vụ	136.976.600
		Góp vốn bằng tiền	413.853.763
		Góp vốn bằng tài sản các loại	5.505.009.062

Tổng tiền lương và thưởng của các thành viên lãnh đạo chủ chốt

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Năm nay	Năm trước
Thành viên Hội đồng quản trị	240.000.000	240.000.000
Ban kiểm soát	78.000.000	78.000.000
Ban giám đốc	600.917.870	621.950.000
Cộng	918.917.870	939.950.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính số dư công nợ với các bên liên quan:

Đơn vị: đồng Việt Nam

Bên liên quan	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH MTV Chế biến Silica Quảng Nam	Phải thu	717.653.683
Công ty TNHH MTV Tràng Thạch Đại Lộc	Phải trả	84.986.567
	Phải thu	62.550.000

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

35. ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT

Năm 2010, Công ty đã ghi nhận vào thu nhập khác 1.840.882.240 đồng từ hai hợp đồng hợp tác khai thác vàng sa khoáng bên Lào tương ứng với 1.279.184.240 đồng phải thu khác và 561.698.000 đồng phải thu khách hàng. Hai hợp đồng hợp tác khai thác vàng này thực tế không thực hiện. Do đó, Công ty điều chỉnh lại báo cáo tài chính năm 2010, việc điều chỉnh này ảnh hưởng tới một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2012, cụ thể giảm 561.698.000 đồng phải thu khách hàng, giảm 1.279.184.240 đồng phải thu khác, giảm 460.220.560 đồng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và giảm 1.380.661.680 đồng lợi nhuận chưa phân phối.

Công ty đã không ghi nhận và báo cáo 558.890.000 đồng tiền bán vàng thu được từ việc khai thác tại mỏ Pu Nếp phát sinh trong năm 2010. Do đó, Công ty điều chỉnh lại báo cáo tài chính năm 2010, việc điều chỉnh này ảnh hưởng tới một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2012, cụ thể tăng 558.890.000 đồng phải thu khác của Ông Nguyễn Xuân Lư, tăng 139.722.500 đồng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, và tăng 419.167.500 đồng lợi nhuận chưa phân phối.

Năm 2011, ngoài số tiền bán vàng thu được từ dự án khai thác vàng bên Lào đã ghi nhận vào thu nhập khác và doanh thu bán vàng Công ty đã không ghi nhận 1.994.052.120 đồng tiền bán vàng bên Lào vào thu nhập khác mà dùng số tiền này để ghi giảm 1.557.381.040 vào phải thu khách hàng và phải thu khác và chưa nộp quỹ và ghi số kế toán số tiền còn lại là 436.671.080 đồng. Do đó, Công ty điều chỉnh lại báo cáo tài chính năm 2011, việc điều chỉnh này ảnh hưởng tới một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2012, cụ thể tăng 436.671.080 đồng phải thu khác của Ông Vũ Đình Châu, giảm 498.513.030 đồng tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp, tăng 1.495.539.090 đồng lợi nhuận chưa phân phối và ảnh hưởng tới Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2011, cụ thể tăng 1.994.052.120 đồng thu nhập khác và giảm 498.513.030 đồng thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

35. ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT (tiếp theo)

Thay đổi các khoản mục được trình bày sau đây:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Số dư ngày 01/01/2012 sau điều chỉnh	Số dư ngày 01/01/2012 trước điều chỉnh	Chênh lệch
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	25.676.189.054	24.964.129.174	712.059.880
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	2.740.178.591	2.740.178.591	-
1. Tiền	111	2.740.178.591	2.740.178.591	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	13.331.327.346	12.619.267.466	712.059.880
1. Phải thu khách hàng	131	9.687.789.949	9.687.789.949	-
2. Trả trước cho người bán	132	2.809.011.954	2.809.011.954	-
3. Các khoản phải thu khác	135	1.367.613.603	655.553.723	712.059.880
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(533.088.160)	(533.088.160)	-
III. Hàng tồn kho	140	6.951.473.363	6.951.473.363	-
1. Hàng tồn kho	141	9.942.305.363	9.942.305.363	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(2.990.832.000)	(2.990.832.000)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150	2.653.209.754	2.653.209.754	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	265.619.153	265.619.153	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	2.387.590.601	2.387.590.601	-

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

35. ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Đơn vị: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Số dư ngày 01/01/2012 sau điều chỉnh	Số dư ngày 01/01/2012 trước điều chỉnh	Chênh lệch
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	92.180.396.414	92.678.909.444	(498.513.030)
I. Tài sản cố định	220	70.455.026.425	70.455.026.425	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	54.168.256.780	54.168.256.780	-
- Nguyên giá	222	89.514.090.951	89.514.090.951	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(35.345.834.171)	(35.345.834.171)	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	3.266.721.708	3.266.721.708	-
- Nguyên giá	225	4.003.201.773	4.003.201.773	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	(736.480.065)	(736.480.065)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	3.354.712.999	3.354.712.999	-
- Nguyên giá	228	3.770.683.250	3.770.683.250	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(415.970.251)	(415.970.251)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9.665.334.938	9.665.334.938	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	15.397.500.000	15.397.500.000	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	795.000.000	795.000.000	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258	16.966.100.000	16.966.100.000	-
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(2.363.600.000)	(2.363.600.000)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260	6.327.869.989	6.826.383.019	(498.513.030)
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	1.598.840.230	1.598.840.230	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	3.509.236.927	4.007.749.957	(498.513.030)
3. Tài sản dài hạn khác	268	1.219.792.832	1.219.792.832	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	117.856.585.468	117.643.038.618	213.546.850

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

35. ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Đơn vị: đồng Việt Nam

Nguồn vốn	Mã số	Số dư ngày 01/01/2012 sau điều chỉnh	Số dư ngày 01/01/2012 trước điều chỉnh	Chênh lệch
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	44.337.845.795	44.658.343.855	(320.498.060)
I. Nợ ngắn hạn	310	38.120.908.996	38.441.407.056	(320.498.060)
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16.389.252.965	16.389.252.965	-
2. Phải trả người bán	312	12.931.457.125	12.931.457.125	-
3. Người mua trả tiền trước	313	2.876.448.400	2.876.448.400	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	2.727.756.196	3.048.254.256	(320.498.060)
5. Phải trả người lao động	315	-	-	-
6. Chi phí phải trả	316	2.285.884.267	2.285.884.267	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	910.110.043	910.110.043	-
II. Nợ dài hạn	330	6.216.936.799	6.216.936.799	-
1. Phải trả dài hạn khác	333	185.990.000	185.990.000	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	5.882.691.102	5.882.691.102	-
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	148.255.697	148.255.697	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	73.518.739.673	72.984.694.763	534.044.910
I. Vốn chủ sở hữu	410	73.518.739.673	72.984.694.763	534.044.910
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	54.860.460.000	54.860.460.000	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	26.179.657.254	26.179.657.254	-
3. Cổ phiếu quỹ	414	(413.094.230)	(413.094.230)	-
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	(601.219.873)	(601.219.873)	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	3.964.308.759	3.964.308.759	-
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	859.717.030	859.717.030	-
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	401.117.136	401.117.136	-
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(12.951.368.903)	(13.485.413.813)	534.044.910
9. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	1.219.162.500	1.219.162.500	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	117.856.585.468	117.643.038.618	213.546.850

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

35. ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT (tiếp theo)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Số sau điều chỉnh	Số trên báo cáo kiểm toán năm 2011	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	99.726.535.034	99.726.535.034	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	10.209.288.843	10.209.288.843	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	89.517.246.191	89.517.246.191	-
4. Giá vốn hàng bán	11	73.034.320.083	73.034.320.083	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	16.482.926.108	16.482.926.108	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.532.247.330	2.532.247.330	-
7. Chi phí tài chính	22	5.448.510.534	5.448.510.534	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	4.388.277.486	4.388.277.486	-
8. Chi phí bán hàng	24	23.451.139.406	23.451.139.406	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	10.002.211.889	10.002.211.889	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(19.886.688.391)	(19.886.688.391)	-
11. Thu nhập khác	31	4.955.193.749	2.961.141.629	1.994.052.120
12. Chi phí khác	32	2.238.865.372	2.238.865.372	-
13. Lợi nhuận khác	40	2.716.328.377	722.276.257	1.994.052.120
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(17.170.360.014)	(19.164.412.134)	1.994.052.120
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(3.509.236.927)	(4.007.749.957)	498.513.030
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(13.661.123.087)	(15.156.662.177)	1.495.539.090
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(2.793)	(3.099)	306

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

35. ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT (tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Số sau điều chỉnh	Số trên báo cáo kiểm toán năm 2011	Chênh lệch
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(17.170.360.014)	(19.164.412.134)	1.994.052.120
2. Điều chỉnh cho các khoản				-
- Khấu hao TSCĐ	02	5.576.257.889	5.576.257.889	-
- Các khoản dự phòng	03	3.664.672.883	3.664.672.883	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	339.763.200	339.763.200	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.750.289.818)	(1.750.289.818)	-
- Chi phí lãi vay	06	4.388.277.486	4.388.277.486	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(4.951.678.374)	(6.945.730.494)	1.994.052.120
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	1.694.171.774	3.688.223.894	(1.994.052.120)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(1.710.396.080)	(1.710.396.080)	-
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	7.729.840.911	7.729.840.911	-
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	733.543.068	733.543.068	-
- Tiền lãi vay đã trả	13	(4.395.438.529)	(4.395.438.529)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.190.910.668)	(2.190.910.668)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(359.237.807)	(359.237.807)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.450.105.705)	(3.450.105.705)	-

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

35. ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT (tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Đơn vị: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Số sau điều chỉnh	Số trên báo cáo kiểm toán năm 2011	Chênh lệch
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9.747.281.869)	(9.747.281.869)	-
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	163.636.363	163.636.363	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(15.397.500.000)	(15.397.500.000)	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	811.931.034	811.931.034	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(24.169.214.472)	(24.169.214.472)	-
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	38.286.515.454	38.286.515.454	-
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(411.843.530)	(411.843.530)	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	44.069.697.157	44.069.697.157	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(46.834.751.551)	(46.834.751.551)	-
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.726.292.968)	(1.726.292.968)	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.490.751.000)	(6.490.751.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	26.892.573.562	26.892.573.562	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(726.746.615)	(726.746.615)	-
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.466.285.484	3.466.285.484	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	639.722	639.722	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.740.178.591	2.740.178.591	-

Công ty cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Từ đầu năm 2012, Công ty đã chuyển Nhà máy chế biến Silica Quảng Nam và Xí Nghiệp Tràng Thạch Đại Lộc thành hai công ty TNHH Một thành viên Chế biến Silica Quảng Nam và Công ty TNHH Một thành viên Tràng Thạch Đại Lộc, do đó chuyển toàn bộ theo giá trị sổ sách bằng cân đối kế toán của Nhà máy và Xí nghiệp này cho hai công ty TNHH một thành viên, cho nên số dư cuối năm của Công ty không bao gồm bằng cân đối kế toán của Nhà máy và Xí nghiệp, trong khi đó số dư đầu năm có bao gồm. Tương như vậy, Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2012 không bao gồm kết quả kinh doanh của Nhà máy và Xí nghiệp này nhưng năm 2011 có bao gồm báo cáo kết quả kinh doanh của Nhà máy và Xí nghiệp này.

Nguyễn Ngọc Thông
Người lập biểu

Lê Quang Lực
Kế toán trưởng

Nguyễn Dũng
Tổng giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2013